

**CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ**



**QUY TRÌNH  
THỦ TỤC CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA VÀO CẢNG BIỂN  
(TRỪ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA MANG CẤP VR-SB)**

**MÃ SỐ : QT.PC.09**  
**LẦN BAN HÀNH : 01**  
**NGÀY BAN HÀNH : 30/10/2020**



*Cần Thơ, tháng 10/2020*

 <b>VINAMARINE</b> <b>CẢNG VỤ HÀNG HẢI</b> <b>CẦN THƠ</b>	<b>QUY TRÌNH</b> <b>THỦ TỤC CHO PHƯƠNG TIỆN</b> <b>THỦY NỘI ĐỊA VÀO CẢNG BIỂN</b> <b>(TRỪ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI</b> <b>ĐỊA MANG CẤP VR-SB)</b>	Mã số: QT.PC.09
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

## MỤC LỤC

### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trịnh Quốc Dân	Nguyễn Việt Tiến	Võ Minh Tiến
Chữ ký			
Chức vụ	Trưởng phòng	Phó Giám đốc	Giám đốc



	<b>QUY TRÌNH</b> <b>THỦ TỤC CHO PHƯƠNG TIỆN</b> <b>THỦY NỘI ĐỊA VÀO CẢNG BIỂN</b> <b>(TRỪ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI</b> <b>ĐỊA MANG CẤP VR-SB)</b>	Mã số: QT.PC.09
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

## 1. MỤC ĐÍCH

Quy trình này thống nhất biểu mẫu, trình tự thủ tục hành chính cho phương tiện thủy nội địa vào vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ nhằm nâng cao trách nhiệm của viên chức cảng vụ, rút ngắn thời gian làm thủ tục và góp phần vào chương trình cải cách hành chính nhà nước ngày càng hoàn thiện hơn.

## 2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình này áp dụng đối với viên chức cảng vụ Hàng hải Cần Thơ, Ban Giám đốc, người làm thủ tục, doanh nghiệp vận tải biển và dịch vụ hàng hải, các tổ chức và cá nhân liên quan trong việc thực hiện thủ tục hành chính cho phương tiện thủy nội địa vào vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Bộ Luật hàng hải Việt Nam ban hành ngày 25/11/2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 142/2017/NĐ-CP ngày 11/12/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải;
- Thông tư số 04/2016/TT-BGTVT ngày 04/4/2016 của Bộ Giao thông vận tải Công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, vùng nước các cảng biển trên sông Hậu thuộc địa phận các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, thành phố Cần Thơ và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;
- Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định biểu mức thu chế độ thu, nộp và quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa;
- Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa;
- Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nội vụ về việc thời hạn bảo quản hồ sơ tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan tổ chức.
- Quyết định số 261/2016/QĐ-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải;

## 4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

### 4.1 Định nghĩa

- Người có thẩm quyền: Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách, người được ủy quyền.
- Người làm thủ tục: là chủ tàu hoặc người quản lý tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu, thuyền trưởng hoặc người được ủy quyền.

	<b>QUY TRÌNH</b> <b>THỦ TỤC CHO PHƯƠNG TIỆN</b> <b>THỦY NỘI ĐỊA VÀO CẢNG BIỂN</b> <b>(TRỪ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI</b> <b>ĐỊA MANG CẤP VR-SB)</b>	Mã số: QT.PC.09
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

- Trục ban cảng vụ là viên chức pháp chế tại nơi tiến hành thủ tục, là người được Trưởng phòng Pháp chế, Trưởng Đại diện phân công tiếp nhận, tham mưu giải quyết những công việc liên quan đến hoạt động hàng hải trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của CVHHCT.

- Cán bộ thu phí là viên chức phòng Tài vụ làm nhiệm vụ thu phí, lệ phí hàng hải theo quy định.

- Giấy phép rời cảng là văn bản do Cảng vụ hàng hải hoặc cơ quan có thẩm quyền nơi tàu thuyền rời cảng cuối cùng cấp hoặc xác nhận.

#### **4.2 Chữ viết tắt**

- BLHHVN: Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015;
- NĐ58: Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017;
- NĐ142: Nghị định số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;
- TT04: Thông tư số 04/2016/TT-BGTVT ngày 04/4/2016;
- TT248: Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;
- TT39: Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019;
- QĐ261: Quyết định số 261/2016/QĐ-BTC ngày 14/11/2016;
- CVHHCT: Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;
- KHĐĐ: Kế hoạch điều động tàu thuyền;

	<b>QUY TRÌNH THỦ TỤC CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA VÀO CẢNG BIỂN (TRỪ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA MANG CẤP VR-SB)</b>	Mã số: QT.PC.09
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

### 5.1. CƠ SỞ PHÁP LÝ


- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

### 5.2. THÀNH PHẦN HỒ SƠ


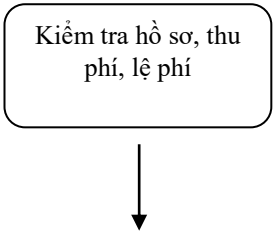
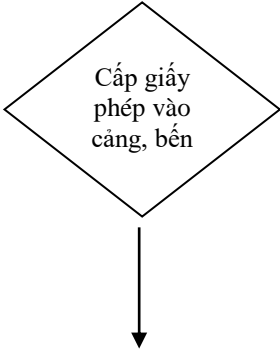
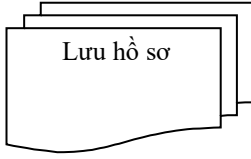
TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các giấy phải nộp (bản chính) bao gồm:</li> <li>+ Bản khai chung (đối với phương tiện thủy nội địa): BM.PC.09-Mẫu số 59-NĐ58;</li> <li>+ Danh sách hành khách (đối với phương tiện chở khách): BM.PC.09-Mẫu số 61-NĐ58;</li> <li>+ Giấy phép rời cảng.</li> </ul>	01 bộ	
2.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các giấy tờ phải xuất trình (bản chính) bao gồm:</li> <li>+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa;</li> <li>+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;</li> <li>+ Sổ Danh bạ thuyền viên;</li> <li>+ Bằng hoặc Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện;</li> <li>+ Hợp đồng vận chuyển hoặc xuất kho hoặc giấy vận chuyển hàng hóa (nếu có).</li> </ul>		


### 5.3. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Trụ sở chính hoặc Đại diện CVHHCT tại Trà Vinh hoặc các trạm của CVHHCT	Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục đã nộp, xuất trình giấy tờ theo quy định	Thông tư 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016

	<b>QUY TRÌNH THỦ TỤC CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA VÀO CẢNG BIỂN (TRỪ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA MANG CẤP VR-SB)</b>	Mã số: QT.PC.09
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

#### 5.4 TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1		Trực ban cảng vụ	Không quá 30 phút	BM.PC.09- Mẫu 59- NĐ58 BM.PC.09- Mẫu 61- NĐ58	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người làm thủ tục nộp, xuất trình hồ sơ theo mẫu quy định tại Khoản 2 Điều 99 NĐ58:</li> <li>+ Giấy tờ phải nộp (bản chính): Bản khai chung theo mẫu 59; Danh sách hành khách (đối với phương tiện chở khách) theo mẫu 61; Giấy phép rời cảng;</li> <li>+ Giấy tờ phải xuất trình (bản chính): Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Sổ Danh bạ thuyền viên; Bảng hoặc Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền viên trên phương tiện.</li> </ul>
B2		Trực ban cảng vụ/Cán bộ thu phí		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ không hợp lệ: trực ban cảng vụ trả lại và hướng dẫn người làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</li> <li>- Hồ sơ hợp lệ: trực ban cảng vụ cung cấp thông tin có liên quan đến phương tiện cho phòng Tài vụ để thu phí, lệ phí.</li> <li>- Đối với phương tiện có hành vi vi phạm hành chính sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.</li> </ul>	
B2		Người có thẩm quyền		BM.PC.09- Mẫu 62- NĐ58	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ vào KHĐĐ của doanh nghiệp cảng, hồ sơ phương tiện, trực ban cảng vụ cấp Giấy phép vào cảng cho phương tiện theo mẫu 62 NĐ 58.</li> <li>- Cấp Lệnh điều động trong trường hợp phương tiện di chuyển qua lại giữa các bến cảng thuộc cùng một khu vực hàng hải (không thu phí, lệ phí).</li> <li>- Trường hợp phương tiện vào cảng và lưu lại trong khoảng thời gian không quá 72 giờ (giấy tờ khi làm thủ tục rời cảng không thay đổi so với lúc đến) thì được cấp Giấy phép vào và rời cảng, bến cùng lúc.</li> </ul>
B3		Trực ban cảng vụ			Lưu hồ sơ theo Thông tư số 09/2011/TT-BNV

 <p><b>VINAMARINE</b> CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<b>QUY TRÌNH</b> <b>THỦ TỤC CHO PHƯƠNG TIỆN</b> <b>THỦY NỘI ĐỊA VÀO CẢNG BIỂN</b> <b>(TRỪ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI</b> <b>ĐỊA MANG CẤP VR-SB)</b>	Mã số: QT.PC.09
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

## 6. BIỂU MẪU


STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1.	BM.PC.09-Mẫu số 59-NĐ58	Bản khai chung
2.	BM.PC.09-Mẫu số 61-NĐ58	Danh sách hành khách
3.	BM.PC.09-Mẫu số 62-NĐ58	Giấy phép vào/rời cảng, bến
4.	BM.PC.09-Mẫu TKHH-PTTND	Chi tiết phương tiện thủy nội địa ra, vào cảng biển

## 7. HỒ SƠ LƯU

TT	Hồ sơ lưu
1.	Giấy phép rời cảng cuối cùng
2.	Cuốn Giấy phép vào/rời cảng, bến
3.	Trang Hệ thống thông tin thống kê ngành hàng hải - Cục Hàng hải Việt Nam (lưu điện tử).

*Hồ sơ được lưu tại phòng xử lý chính, thời gian lưu theo quy định. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống phòng lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành.*



 <b>VINAMARINE</b> <b>CẢNG VỤ HÀNG HẢI</b> <b>CẦN THƠ</b>	<b>QUY TRÌNH</b> <b>THỦ TỤC CHO PHƯƠNG TIỆN</b> <b>THỦY NỘI ĐỊA VÀO CẢNG BIỂN</b> <b>(TRỪ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI</b> <b>ĐỊA MANG CẤP VR-SB)</b>	Mã số: QT.PC.09
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

**BM.PC.09-Mẫu số 59-NĐ58**


**BẢN KHAI CHUNG**

(Cho phương tiện thủy nội địa)

	Đến	Rời
1. Tên phương tiện:	5. Tên cầu, bến cảng sẽ cập:	6. Thời gian hoạt động tại cảng:
2. Số đăng ký:		Từ ngày .....
		Đến ngày .....
3. Dung tích:	7. Cảng, bến rời cuối cùng	8. Cảng/bến kế tiếp
4. Trọng tải:		
9. Tên thuyền trưởng		
10. Tên, địa chỉ, số điện thoại của chủ phương tiện:		
11. Hàng hóa, số lượng xếp/dỡ:		
12. Ghi chú:		
13. Mã số Giấy phép rời cảng, bến điện tử (*):		

(\*) Mục này chỉ khai khi phương tiện đến cảng

..., ngày ... tháng ... năm 20...  
**Thuyền trưởng (hoặc đại lý)**


 <b>VINAMARINE</b> <b>CẢNG VỤ HÀNG HẢI</b> <b>CẦN THƠ</b>	<b>QUY TRÌNH</b> <b>THỦ TỤC CHO PHƯƠNG TIỆN</b> <b>THỦY NỘI ĐỊA VÀO CẢNG BIỂN</b> <b>(TRỪ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI</b> <b>ĐỊA MANG CẤP VR-SB)</b>	Mã số: QT.PC.09
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

**BM.PC.09-Mẫu số 61-ND58**  
**DANH SÁCH HÀNH KHÁCH**  
 (Cho phương tiện thủy nội địa)

Đến  Rời

Tên tàu:			
TT	Họ và tên	Ngày và nơi sinh	Số hộ chiếu/GCMND/Thẻ căn cước

..., ngày ... tháng ... năm 20...  
 Thuyền trưởng (hoặc đại lý)

 <p><b>VINAMARINE</b> CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<b>QUY TRÌNH</b> <b>THỦ TỤC CHO PHƯƠNG TIỆN</b> <b>THỦY NỘI ĐỊA VÀO CẢNG BIỂN</b> <b>(TRỪ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI</b> <b>ĐỊA MANG CẤP VR-SB)</b>	Mã số: QT.PC.09
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

**CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ**

Số: ...../GP

**GIẤY PHÉP VÀO/RỜI CẢNG, BẾN**

Tên phương tiện: ..... Số đăng ký .....

Trọng tải .....

Tên thuyền trưởng: .....

Vào cảng, bến: .....

Cấp mạn tàu: ..... Đâu tại cầu, phao .....

Hàng dỡ ..... Số lượng ..... Tấn/Teu .....

Hàng xếp: ..... Số lượng ..... Tấn/Teu .....

Trong thời hạn: từ ngày.../.../...đến ngày .../.../...

Được rời cảng lúc...giờ ngày...tháng ...năm...

Cảng, bến đến: .....

....., ngày.... tháng .... năm ....  
**GIÁM ĐỐC**

**BM.PC.09-Mẫu số 62-ND58**

**CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ**

Số: ...../GP

**GIẤY PHÉP VÀO/RỜI CẢNG, BẾN**

Cho phép phương tiện thủy ..... Số đăng ký .....

Tên thuyền trưởng: .....

Trọng tải: .....

Vào cảng, bến: .....

Cấp mạn tàu: ..... tại cầu, phao: .....

Hàng dỡ: .....số lượng ..... Tấn/Teu .....

Hàng xếp: .....số lượng ..... Tấn/Teu .....

Trong thời hạn: từ.....giờ ... ngày ... tháng ... năm .... đến ..... giờ ..... ngày ..... tháng ....năm ....

Được rời cảng lúc .....giờ ..... ngày ..... tháng .... năm .....

Cảng, bến đến: .....

....., ngày.... tháng .... năm ....  
**GIÁM ĐỐC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

